

Số: **828** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
thôn Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 10307
ĐẾN	Ngày: 16/11/17
	Chuyên: Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư 706 khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất đồi thôn Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5229/STNMT-KS ngày 27/10/2017; kèm theo Báo cáo thẩm định hồ sơ số 5228/TĐHS-TNMT-KS ngày 27/10/2017 và Giấy xác nhận số 3000/GXN-STNMT ngày 26/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật làm vật san lấp tại thôn Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư 706 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Mục đích đóng cửa mỏ: Phục vụ cho công tác quản lý về hoạt động khoáng sản, bảo vệ khoáng sản và giao đất cho địa phương để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Diện tích đóng cửa khai trường: 4,25 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc từ M1 đến M6 có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108, múi chiếu 30) , cụ thể tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư 706 có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Hoàn tất việc thanh lý hợp đồng thuê đất và các hợp đồng khác (nếu có) liên quan tới việc thực hiện khai thác khoáng sản phần diện tích khu vực khai thác được đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành; Chủ tịch UBND xã Hành Thuận và Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư 706 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh770).



Đặng Văn Minh

Phụ lục 1
TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN ĐẤT
LÀM VẬT LIỆU SÁM LẬP TỈNH HỒN XUÂN AN, XÃ HÀNH THUẬN,
HUYỆN NGHĨA BÌNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 22.27/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 108, múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
M1	1667598.55	580894.78
M2	1667540.52	581053.15
M3	1667402.58	581012.17
M4	1667386.80	580952.12
M5	1667256.16	580861.65
M6	1667322.49	580813.43

BẢN ĐỒ KHAI THÁC VÀ MỎ KHOÁNG SẢN

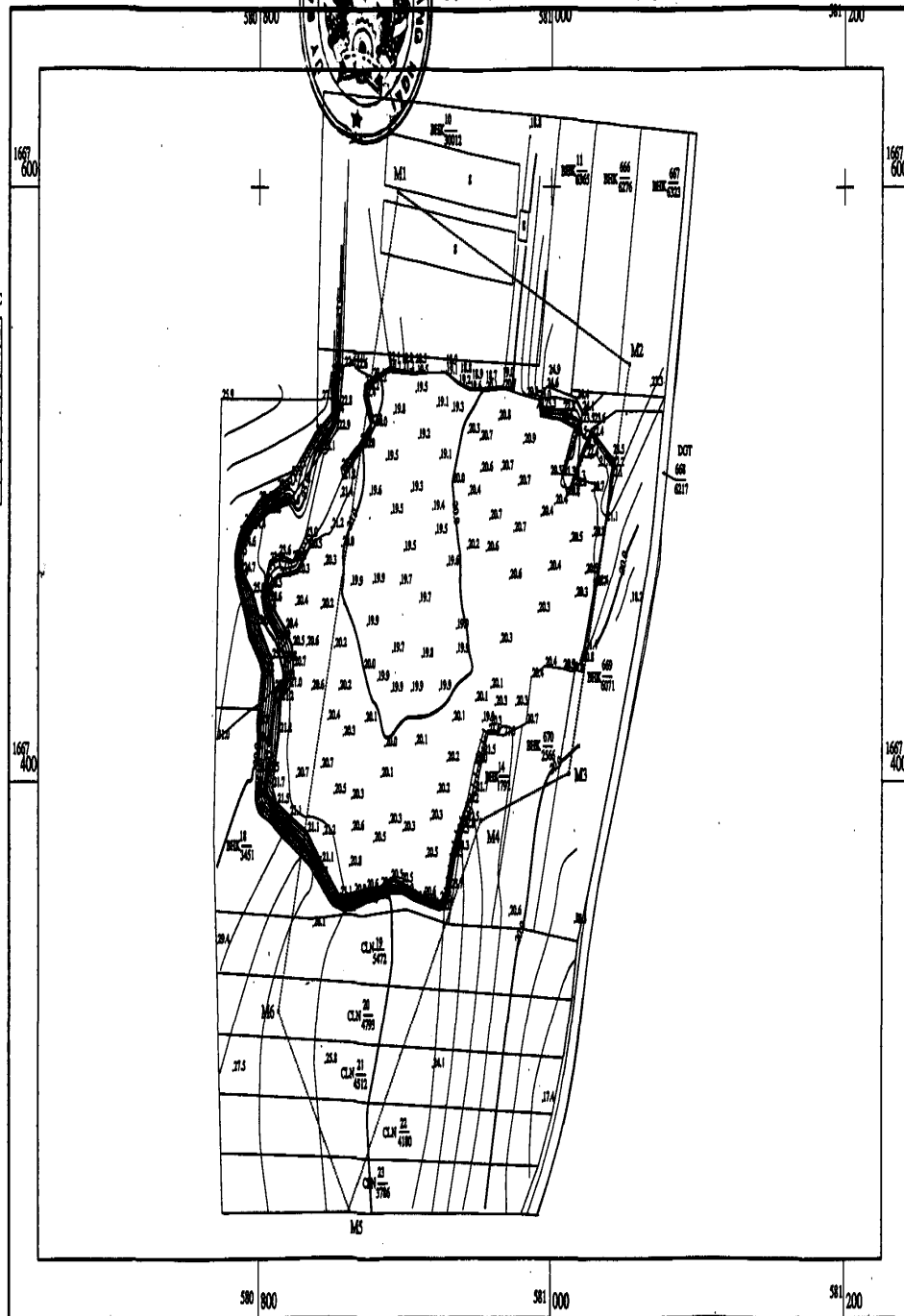
Mỏ đất Khai thác đất đồi làm vật liệu xây dựng tại Khu An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 14.1/QĐ-UBND, ngày 14.11.2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

BẢNG TỌA ĐỘ ĐIỂM KHÉP GÓC

TT	Tên	Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)
1	M1	167398,53	50884,78
2	M2	167340,53	51035,15
3	M3	167402,58	51012,17
4	M4	167386,80	50932,12
5	M5	167256,16	50861,65
6	M6	167322,49	50813,45

BẢNG GIẢI THÍCH

1	Điểm độ cao địa hình	2,1
2	Khu vực khai thác (có diện tích 4,16) và diện tích	167
3	Đường ranh độ cũ	167
4	Đường ranh độ mới	167
5	Điểm lấy	167



Tỉ lệ 1:2000

